

Tuan 12 dia 9

Bài 21: Vùng đồng bằng sông Hồng (tiếp theo)

IV. Tình hình phát triển kinh tế

1. Công nghiệp

- Hình thành sớm và phát triển mạnh trong thời kì CNH - HĐH
- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng mạnh, chiếm 21% GDP công nghiệp của cả nước (năm 2002)
- Phần lớn giá trị sản xuất công nghiệp tập trung ở Hà Nội, Hải Phòng.
- Các ngành công nghiệp trọng điểm: chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp cơ khí
- Các sản phẩm CN: máy công cụ, động cơ điện, phương tiện giao thông, thiết bị điện tử, hàng tiêu dùng...

2. Nông nghiệp

a. Trồng trọt

- Đứng thứ hai cả nước về diện tích và tổng sản lượng lương thực.
- Đứng đầu cả nước về năng suất lúa (đạt 56,4 tạ/ha, năm 2002)
- Phát triển một số cây ưa lạnh đem lại hiệu quả kinh tế cao như cây ngô đông, khoai tây, su hào, bắp cải... Đưa vụ đông trở thành vụ SX chính.

b. Chăn nuôi

- Đàn lợn chiếm tỉ trọng lớn nhất cả nước
- Chăn nuôi bò (đặc biệt là bò sữa), gia cầm và nuôi trồng thủy sản đang phát triển.

3. Dịch vụ

- Giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, du lịch phát triển.
- Có nhiều địa danh du lịch hấp dẫn, nổi tiếng như Chùa Hương, Tam Cốc – Bích Động, Côn Sơn, Cúc Phương, Đồ Sơn, Cát Bà...
- Hà Nội, Hải Phòng là hai đầu mối giao thông vận tải, du lịch lớn của vùng.

V. Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm

- Hai thành phố, trung tâm kinh tế lớn: Hà Nội, Hải Phòng.

- Tam giác kinh tế: Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh.
- Các tỉnh thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: Hà Nội, Hưng Yên, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc.

Bài 22: Thực hành vẽ và phân tích biểu đồ về mối quan hệ giữa dân số, số lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người.

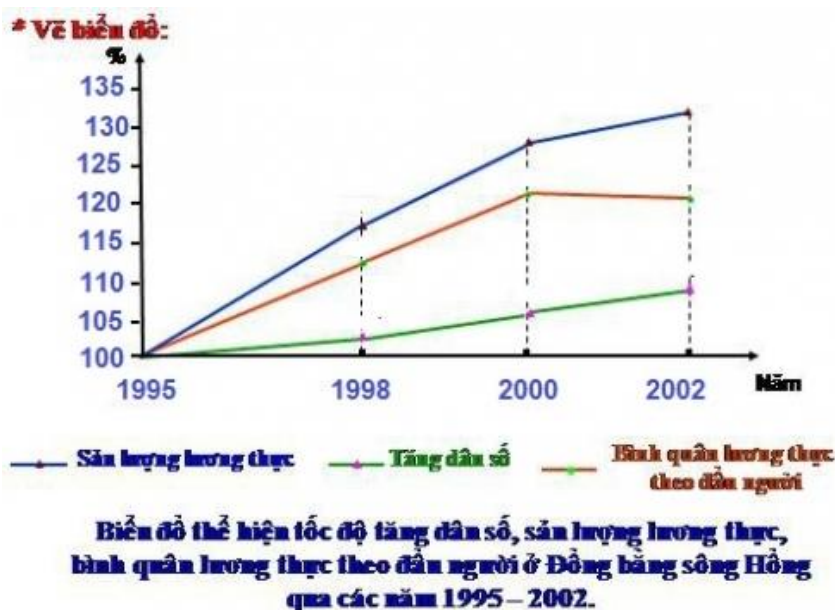
1. Dựa vào bảng 22.1 (trang 80 SGK 9), vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở Đồng bằng sông Hồng.

TỐC ĐỘ TĂNG DÂN SỐ, SẢN LƯỢNG THỰC VÀ BÌNH QUÂN LƯƠNG THỰC THEO ĐẦU NGƯỜI Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Năm	1995	1998	2000	2002
Dân số	100	103,5	105,6	108,2
Sản lượng lương thực	100	117,7	128,6	131,1
Bình quân lương thực theo đầu người.	100	113,8	121,8	121,2

Trả lời:

- Vẽ biểu đồ:



- Nhận xét:

- Dân số tăng chậm từ 1995 – 2002 (tăng 8,2%)
- Từ năm 1995 đến 2002, sản lượng lương thực tăng nhanh (tăng 31,1%)
- Từ năm 1995 – 2002 bình quân lương thực theo đầu người tăng cao (21,2%).

2. Dựa vào biểu đồ đã vẽ và các bài học 20, 21, hãy cho biết:

a) Những điều kiện thuận lợi và khó khăn trong sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Hồng.

b) Vai trò của vụ đông trong việc sản xuất lương thực thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng.

c) Ảnh hưởng của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số tới đảm bảo lương thực của vùng.

Trả lời:

a. Điều kiện thuận lợi và khó khăn trong sản xuất lương thực ở đồng bằng sông Hồng.

- Thuận lợi:
 - Đất phù sa màu mỡ do sông Hồng bồi đắp.
 - Nguồn nước tưới dồi dào
 - Khí hậu nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, có một mùa đông lạnh tạo điều kiện thâm canh tăng vụ.
 - Trình độ cơ giới hóa khá cao.
 - Cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (như hệ thống thủy lợi, các cơ sở chế biến) khá hoàn thiện....
- Khó khăn:
 - Diện tích đất canh tác có xu hướng bị thu hẹp do sự mở rộng đất thổ cư và đất chuyên dùng.
 - Thời tiết diễn biến phức tạp, nhiều thiên tai...

b. Vai trò của vụ đông trong việc sản xuất lương thực thực phẩm ở Đồng bằng sông Hồng.

Vụ Đông có nhiều cây trồng có thể cung cấp lương thực, thực phẩm như khoai tây, su hào, bắp cải, cà chua... Nhất là cây ngô, cây trồng có năng suất cao, ổn định, diện tích đang mở rộng và ngô cũng chính là nguồn lương thực, nguồn thức ăn cho gia súc quan trọng.

c. Ảnh hưởng của việc giảm tỉ lệ gia tăng dân số tới đảm bảo lương thực của vùng.

- Tỉ lệ gia tăng dân số ở đồng bằng sông Hồng trong các năm gần đây giảm mạnh đã dẫn đến:
- Bình quân lương thực trên đầu người của đồng bằng tăng từ 331 kg/người năm 1995 lên 477kg/người năm 2005).

- Đồng bằng sông Hồng đã có thể xuất khẩu một phần lương thực.